

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: 14 /2020/HNGĐ-ST

Ngày 28 - 5 - 2020

V/v ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quyền

Ông Danh Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Trường hợp Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2019 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Tran B, sinh năm 1974

Địa chỉ: 5895 Rothesay Ed Lansing MI 48911 USA

Tạm trú: số 308 Đường 30/4, phường Thanh Bình, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà Dương Hồng H, sinh năm 1986

Địa chỉ: Số 345 Ngô Quyền, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, Kiên Giang

(Ông Tran B có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Hiếu có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 09/12/2019 ông Tran B trình bày:

Ông và bà Dương Hồng H quen biết nhau qua những lần ông về Việt Nam thăm gia đình, sau thời gian tìm hiểu đã tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban tỉnh Kiên Giang vào ngày 17/12/2012. Sau khi kết hôn, ông làm thủ tục bảo lãnh vợ và con sang Hoa Kỳ định cư, trong thời gian chờ đợi hoàn tất thủ tục đến

tháng 02/2015 thì vợ chồng ông bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nên thường cãi vã nhau qua những lần ông gọi điện về thăm, từ đó hai vợ chồng ông không chung sống và không còn liên lạc với nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Dương Hồng H.

Về con chung: Ông Tran B và bà Dương Hồng H có 01 con chung là cháu Trần Quốc Thái sinh ngày 07 – 08 – 2013. Ông đồng ý giao cháu Thái cho bà Hiếu nuôi dưỡng, ông sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Dương Hồng H có ý kiến trình bày tại bản khai và tại phiên tòa: Bà thống nhất toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Tran B, về quan hệ hôn nhân bà đồng ý ly hôn với ông Tran B, về con chung bà thống nhất trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Quốc Thái cho đến khi đủ 18 tuổi và đồng ý mức cấp dưỡng của ông Tran B đối với cháu Thái 4.000.000đ/tháng. Tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Tran B có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Tran B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa ông Tran B và bà Dương Hồng H đã tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định tại các Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, ông Tran B và bà Dương Hồng H đều xác định ông bà quen nhau và tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 17/12/2012. Hai vợ chồng chung sống được một thời gian thì ông Tran B trở về Mỹ. Trong thời gian chờ bảo lãnh vợ con sang Mỹ định cư thì vợ chồng ông bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, công việc và khoảng cách địa lý. Tại bản khai, ông Tran B xác định mục đích hôn nhân giữa ông

và bà Hiếu không đạt được nên yêu cầu ly hôn. Tại bản khai và tại phiên tòa bà Hiếu thống nhất ly hôn với ông Tran B.

Xét thấy, thấy tình cảm vợ chồng giữa ông Billy Tran và bà Dương Hồng H không có khả năng đoàn tụ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Tran B.

[3]. Về con chung: ông Tran B và bà Hiếu có 01 người con chung tên Trần Quốc Thái sinh ngày 07/8/2013, giới tính nam hiện đang sống chung với bà Hiếu. Theo ý kiến của ông Tran B và bà Hiếu, Hội đồng xét xử thống nhất giao cho bà Dương Hồng H trực tiếp nuôi dưỡng Trần Quốc T sau khi ông và bà Hiếu ly hôn, ông Tran B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Thái mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi cháu Trần Quốc T đủ 18 tuổi.

Ông Tran B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: ông B Tran và bà Dương Hồng H đều xác nhận không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ông Tran B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung, khấu trừ tạm ứng án phí ông đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu của Cơ quan Thi hành án, ông Tran B còn phải nộp thêm 300.000 đồng .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228; Điểm d khoản 1 Điều 469; Khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Tran B

1. Về hôn nhân: Cho ông Tran B được ly hôn với bà Dương Hồng H.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Trần Quốc T, sinh ngày 07/8/2013, giới tính nam, hiện đang sống chung với bà Hiếu cho bà Dương Hồng H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Tran B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi cháu Trần Quốc T đủ 18 tuổi.

Ông Tran B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Án phí sơ thẩm: Ông Tran B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0000738 ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang, ông Tran B còn phải nộp thêm 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Ông Tran B có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bà Dương Hồng H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- UBND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Hương